

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ TT KOREA GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ TT KOREA GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TT KOREA GROUP INTERNATIONAL SERVICES TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110102195

3. Ngày thành lập: 26/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, Ngõ 282 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934453796

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ đầu giá)	4513
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ đầu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (loại trừ đầu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (loại trừ đầu giá)	4543
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chỉ bán buôn động vật sống trong danh mục Nhà nước cho phép)	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm (trừ động vật hoang dã)	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo) Chi tiết: Tổ chức sự kiện	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
20.	Đào tạo sơ cấp	8531
21.	Đào tạo trung cấp	8532
22.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng - Hoạt động dịch vụ khác học kỹ năng sống dành cho học sinh và sinh viên - Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại. -Các dịch vụ dạy kèm (gia sư)	8559
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục - Dịch vụ kiểm tra giáo dục, - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560
24.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán)	6619
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: kinh doanh bất động sản	6810
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (loại trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: -Môi giới bất động sản, -Tư vấn bất động sản -Quản lý bất động sản	6820

28.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: -Hoạt động trang trí nội thất	7410
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
35.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
36.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
37.	Sản xuất rượu vang	1102
38.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
39.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
40.	In ấn (trừ rập khuôn tem)	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
42.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô	4932
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
44.	Bưu chính	5310
45.	Chuyển phát	5320
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
47.	Cơ sở lưu trú khác	5590
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
50.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630

52.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
53.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: - Cung cấp lao động theo yêu cầu của khách hàng trong một thời gian hạn định - Cho thuê lại lao động	7820
54.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
55.	Đại lý du lịch	7911
56.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: -Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa -Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, và khách du lịch ra nước ngoài.	7912
57.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
58.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình thủy	4291
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ DUY HIỀN	Thôn Lê Lợi, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	44,400	0340920102 74	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	44,400		
2	LÊ THỊ HỒNG	Thôn Lê Lợi, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	44,400	N2087859	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	44,400		

3	LÊ THỊ HÀ	Số 22 ngõ 535 đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	11,120	034184009104
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	11,120	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ HỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/07/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: N2087859

Ngày cấp: 19/06/2019

Nơi cấp: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: Thôn Lê Lợi, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lê Lợi, Xã Vũ Lăng, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội